

Vấn đề lựa chọn chữ Latin tiếng Mông trong vùng dân tộc thiểu số Việt Nam

Trần Trí Dõi¹

¹ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Email: ttdoihanh@gmail.com

Nhận ngày 18 tháng 8 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 4 tháng 9 năm 2020.

Tóm tắt: Hiện nay, trên địa bàn một số vùng người Mông ở Việt Nam đang sử dụng hai kiểu chữ Latin tiếng Mông khác nhau được gọi là chữ *Mông Việt Nam* và chữ Mông Latin (hay chữ *Mông khu vực* hoặc chữ *Mông quốc tế*) trong hoạt động giáo dục tiếng dân tộc. Qua thực tế quan sát thái độ ngôn ngữ của người Mông đối với chữ viết tiếng Mông ở Việt Nam nói riêng và trên cơ sở phân tích thái độ ngôn ngữ đối với chữ viết tiếng mẹ đẻ của người dân tộc thiểu số (DTTS) ở Việt Nam nói chung, bài viết thể hiện góc nhìn của tác giả về việc sử dụng chữ Latin tiếng Mông trong hoạt động giáo dục ngôn ngữ cho người Mông. Theo đó, quan điểm cho rằng cộng đồng người Mông ở Việt Nam chỉ nên sử dụng thống nhất một trong hai kiểu văn tự hiện đang lưu hành là không phù hợp với cách nhìn của người Mông về chữ viết Latin tiếng Mông đang sử dụng trong giáo dục tiếng mẹ đẻ của người Mông ở Việt Nam.

Từ khóa: Chữ viết tiếng Mông, dân tộc thiểu số, giáo dục ngôn ngữ.

Phân loại ngành: Ngôn ngữ học

Abstract: In areas of the Mong, or H'mong, ethnic group in Vietnam, there are currently two different styles of the Roman alphabet for the H'mong language being used in the education with the language, namely the Vietnamese Mong Script (MVN) and the Romanised Popular Alphabet (RPA) (alternatively referred to as Regional H'mong Script or International H'mong Script). Having observed the linguistic attitudes of the Mong people to the MVN script in Vietnam in particular, and by analysing such attitudes of the country's ethnic minorities towards their own writing systems in general, the author demonstrates his perspective to the use of the Roman alphabet for the H'mong language in the education with the language to the ethnic people. Accordingly, the view that the Mong community in Vietnam should use only one of the two writing systems is incompatible to their attitudes towards the Romanised script currently used for the education with their own mother tongue.

Keywords: Script of Mong language, ethnic minority, education with the mother tongue.

Subject classification: Linguistics

1. Đặt vấn đề

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc và đa ngôn ngữ. Bên cạnh tiếng Việt là ngôn ngữ quốc gia thì còn có ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số. Trong các ngôn ngữ DTTS, có ngôn ngữ đã có chữ viết và cũng có ngôn ngữ chưa có chữ viết, hoặc cũng có trường hợp một ngôn ngữ nhưng lại có nhiều bộ chữ viết khác nhau, tiếng Mông là một trường hợp điển hình. Trên địa bàn một số vùng người Mông ở Việt Nam hiện đang sử dụng hai kiểu chữ Latin tiếng Mông khác nhau được gọi là chữ Mông Việt Nam (MVN) và chữ Mông Latin (RPA) hay chữ Mông khu vực hoặc chữ Mông quốc tế trong hoạt động giáo dục tiếng dân tộc. Trên cơ sở nhìn nhận, đánh giá kỹ thuật xây dựng hai bộ chữ viết tiếng Mông và thái độ ngôn ngữ của người Mông đối với hai loại chữ viết nói trên, bài viết này² thể hiện góc nhìn của tác giả về việc sử dụng chữ Latin tiếng Mông trong hoạt động giáo dục ngôn ngữ cho người Mông nói riêng và về vấn đề lựa chọn chữ viết trong giáo dục ngôn ngữ vùng DTTS Việt Nam nói chung. Theo đó, quan điểm cho rằng cộng đồng người Mông ở Việt Nam chỉ nên sử dụng thống nhất một trong hai kiểu văn tự hiện đang lưu hành là không phù hợp với cách nhìn của người Mông về chữ viết Latin tiếng Mông đang sử dụng trong giáo dục tiếng mẹ đẻ của người Mông ở Việt Nam.

2. Những kiểu chữ Mông Latin hiện đang sử dụng ở Việt Nam

2.1. Kiểu chữ Mông Latin có tên gọi là “chữ Mông Việt Nam”

Kiểu chữ MVN là kiểu chữ Latin tiếng Mông được ban hành theo Nghị định số 206/CP ngày 27 tháng 11 năm 1961 của Hội đồng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa [3, tr.17]. Trong cuốn *Sách học tiếng Mông*, hai tác giả của cuốn sách đã cho biết về quá trình tạo tác chữ MVN như sau: Trước hết, “nhóm chữ Mông với hai chuyên gia ngôn ngữ là Nguyễn Văn Chính và Phan Thanh đã tiến hành điều tra, khảo sát và nghiên cứu so sánh ngôn ngữ dân tộc Mông của 5 phương ngữ... vào đầu quý 2 năm 1955. Sau hơn hai năm khảo sát điền dã, nhóm chữ Mông báo cáo toàn bộ nghiên cứu cho Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo để xin ý kiến chỉ đạo. Tháng 5/1957, Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ cho nhóm chữ Mông bắt tay khởi thảo phương án chữ Mông trên cơ sở Latin hóa và quyết định lấy phương ngữ Mông Hoa (Hmôngz Lênhl) vùng Sa Pa làm âm tiêu chuẩn của bộ chữ Mông Việt Nam”. Đồng thời, hai tác giả cũng cho biết “sau khi phương án chữ Mông được định hình, Bộ Giáo dục và Đào tạo cho mở một số lớp dạy thí điểm tại tỉnh Lào Cai, hai khu tự trị Việt Bắc và Tây Bắc nhằm sửa chữa bổ sung hoàn chỉnh phương án chữ Mông

(vòng một). Sau vòng trung cầu ý dân, phương án chữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục cho mở rộng các lớp thí điểm ở hai tỉnh Sơn La và Lào Cai để hoàn thiện (vòng hai). Đến cuối năm 1959, Bộ Giáo dục và Đào tạo chính thức đệ trình phương án chữ Mông lên Ban Bí thư để xem xét phê duyệt. Và sau khi Ban Bí thư phê chuẩn vào tháng 10/1960, phương án chữ Mông được Quốc hội thông qua. Cuối năm 1961, Thủ tướng Chính phủ ra Nghị định số 206/TTg/CP ngày 27 tháng 11 năm 1961 ban hành phương án chữ Mông (Hmôngz) Việt Nam... Hơn bốn thập kỷ ra đời, tồn tại và phát triển qua những bước thăng trầm, chữ Mông vẫn luôn là sức mạnh tinh thần của dân tộc Mông” [12, tr.15-16].

Những thông tin đó rất quan trọng đối với những điều chúng ta cần biết thêm về kiểu chữ Latin tiếng Mông Việt Nam là: (1) Có thể xác định đây là kiểu chữ do hai tác giả Nguyễn Văn Chính và Phan Thanh xây dựng dựa trên kết quả sau hơn hai năm “điều tra, khảo sát và nghiên cứu so sánh ngôn ngữ dân tộc Mông của 5 phương ngữ... vào đầu quý 2 năm 1955”; (2) Bộ chữ MVN “lấy phương ngữ Mông Hoa (Hmôngz Lênhl)³ [8] vùng Sa Pa làm âm tiêu chuẩn của bộ chữ Mông Việt Nam”. Như vậy, cách thức xây dựng kiểu chữ Latin tiếng Mông đang được nói đến là lấy ngữ âm tiếng Mông của một vùng lãnh thổ là “âm tiêu chuẩn” cho cả tiếng Mông; (3) Kiểu chữ viết này đã qua hai lần dạy thí điểm, sau đó được Ban Bí thư phê duyệt và Quốc hội thông qua để Thủ tướng Chính phủ ban hành; (4) Hai tác giả nhấn mạnh và chúng tôi cũng hết sức chú ý là “qua những bước thăng trầm, chữ Mông vẫn luôn là sức mạnh tinh thần của dân tộc Mông”.

Trong bốn nội dung thông tin ở trên, có hai nội dung liên quan đến kỹ thuật xây dựng chữ viết, cần chú ý phân tích một cách chi tiết. Theo đó, kết quả khảo sát mà hai tác giả Nguyễn Văn Chính và Phan Thanh thực hiện trong hơn hai năm về “5 phương ngữ tương ứng với 5 ngành Mông là: Mông Trắng (Hmôngz Đouz), Mông Hoa (Hmôngz Lênhl), Mông Đỏ (Hmôngz Siz), Mông Đen (Hmôngz Đuz) và Mông Xanh (Hmôngz Suô)” cho thấy “ở góc độ ngữ âm thì tiếng Mông Xanh so với tiếng của bốn phương ngữ kia chỉ khác nhiều nhất không quá 21,3%... Còn xét theo góc độ từ vựng cơ bản và cấu trúc ngữ pháp thì tiếng Mông của cả năm phương ngữ mang tính thống nhất cao” [11, tr.14]. Vì thế, nhóm soạn thảo chữ MVN quyết định lấy phương ngữ Mông Hoa (Hmôngz Lênhl) vùng Sa Pa làm âm tiêu chuẩn của bộ chữ MVN. Có lẽ, về mặt ngôn ngữ học, với nhiều lý do khác nhau, có thể còn chưa đủ điều kiện phản ánh toàn diện bức tranh cả về đặc điểm ngữ âm cũng như đặc điểm từ vựng của tiếng Mông ở những vùng địa lý khác nhau nơi người Mông sinh sống. Trong một tình trạng như thế, nếu cân nhắc kỹ lưỡng thì liệu việc chọn tiếng Mông Hoa (Hmôngz Lênhl) vùng Sa Pa là âm tiêu chuẩn cho bộ chữ MVN đã thực sự là lựa chọn thỏa đáng hay chưa. Đây sẽ là một vấn đề được thảo luận lại ở phần viết dưới đây.

Nội dung cần được chú ý thứ hai là quy trình kỹ thuật xây dựng chữ viết tiếng Mông. Với những gì mà hai tác giả Thào Seo Sinh và Phan Thanh cho biết, theo suy nghĩ của chúng tôi, quy trình kỹ thuật liên quan đến hành chính thì tương đối hợp lý; trong khi đó dường như quy trình kỹ thuật liên quan đến chất lượng ngôn ngữ học của việc xây dựng chữ viết dường như vẫn chưa

đảm bảo tính thỏa đáng. Mặc dù phương án khởi thủy đã được dạy thí điểm nhưng người ta còn chưa được biết việc dạy thí điểm ấy đã có được những bổ sung như thế nào để góp phần hoàn thiện phương án chữ viết khởi thủy. Hơn nữa, vẫn thiếu đi bước thẩm định của những nhà chuyên môn về chữ viết Latin tuân theo những yêu cầu tự thân của ngôn ngữ học. Trong một tình thế như vậy, vào những năm 50 của thế kỷ XX, chữ Latin tiếng Mông được gọi là chữ MVN có thể là rất tốt cho vùng cư dân nói tiếng Mông Hoa thuộc địa bàn người Mông vùng Sa Pa; nhưng có thể vẫn còn có một số vấn đề chưa được phù hợp với tiếng Mông ở những vùng cư trú khác của Việt Nam. Chúng tôi nghĩ rằng, đây là một thực tế cần phải được xem xét lại một cách nghiêm túc trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay.

2.2. Kiểu chữ Mông Latin có tên gọi là “chữ Mông khu vực”

Kiểu chữ Latin tiếng Mông được chúng tôi đề nghị gọi là chữ RPA⁴ [4] là kiểu chữ Mông thường vẫn được một số người ở Việt Nam gọi theo tên gọi “chữ Mông quốc tế”, với tên viết bằng tiếng Anh là The Romanized Popular Alphabet (RPA) hay H'mong RPA và tên tiếng Pháp là Roman Popular Alphabet. Theo “Wikipedia, the free encyclopedia. Romanized Popular Alphabet” cho biết thì đây là một trong bốn kiểu chữ Mông được xây dựng cho tiếng Mông của người Mông ở Lào. Kiểu chữ Mông này được một nhóm các nhà ngôn ngữ và các nhà truyền giáo, với sự giúp đỡ của người Mông bản

địa Lào, xây dựng trong thời gian từ 1951-1953. Kiểu chữ viết này được cho là “hệ thống chữ viết Latin trên cơ sở những phương ngữ khác nhau của tiếng Mông” [15] ở Lào. Trong bốn kiểu chữ Mông đã được xây dựng cho tiếng Mông ở Lào, chữ Mông RPA hiện được dùng rộng rãi không chỉ trong cộng đồng người Mông ở Lào mà ở cả những khu vực khác của vùng Đông Nam Á và Trung Quốc.

Theo thông tin trong “Wikipedia, the free encyclopedia. Romanized Popular Alphabet”, bảng chữ cái RPA được lựa chọn để có thể đồng thời viết (hay ghi lại ngữ âm) cho cả hai phương ngữ Mông Trắng (H'mong Der, White H'mong; RPA: Hmoob Dawb) và Mông Hoa (Mong Leng, Green/Blue Mong; RPA: Moob Leeg). Tài liệu mở này cũng nhấn mạnh, trong khi hai phương ngữ Mông ở Lào này có những điểm chung, thì ở trong mỗi phương ngữ cũng có những âm riêng mà phương ngữ kia không hiện diện. Ví dụ: có những phụ âm và nguyên âm chỉ được tìm thấy ở tiếng Mông Trắng; nhưng cũng lại chỉ có những phụ âm và nguyên âm hiện diện trong tiếng Mông Hoa. Trong một tình trạng có thực như thế, người chế tác chữ viết RPA đã lựa chọn cách thức xây dựng chữ viết sao cho người sử dụng chữ viết được tùy ý lựa chọn dạng thức nào là biến thể phù hợp với “tiêu chuẩn”⁵ phương ngữ để sử dụng. Như vậy, nguyên tắc xử lý những khác biệt ở đây đã không lấy một phương ngữ duy nhất làm âm tiêu chuẩn khi xây dựng bộ chữ viết Mông RPA mà thực hiện theo nguyên tắc “phân bố bổ sung”, chấp nhận cả những khác biệt giữa hai vùng (hai phương ngữ)

tiếng Mông để người sử dụng kiểu chữ RPA lựa chọn dạng thức thích hợp đối với tiếng nói được chữ viết ghi lại.

2.3. Nhận xét

Trước hết là sự phân tích về kiểu chữ MVN. Chúng ta biết rằng tiếng Mông là một ngôn ngữ âm tiết tính và về cơ bản âm tiết - đơn vị phát âm của tiếng Mông, là những âm tiết có cấu trúc mở. Trong *Sách học tiếng Mông*⁶ [11, tr.17-19] về ngữ âm của ngôn ngữ thì âm tiết tiếng Mông làm cơ sở cho chữ viết ở Việt Nam gồm có 58 phụ âm làm âm đầu âm tiết, 11 nguyên âm tạo thành 24 vần và có 8 thanh điệu. Với nhận thức về ngữ âm tiếng Mông như thế, khi xây dựng chữ MVN, hai tác giả chế tác chữ viết đã lấy “58 phụ âm và tổ hợp phụ âm” làm âm đầu của âm tiết chia theo bốn nhóm phát âm. Cũng theo mô tả trong cuốn sách, 58 phụ âm và tổ hợp phụ âm thuộc vào 04 nhóm có vị trí cấu âm là: a) nhóm có vị trí cấu âm *môi môi*, *môi răng* (11 âm) gồm: b, bl, f, fl, mf, mfl, p, pl, ph, m và mn; b) nhóm cấu âm *đầu lưỡi chân răng* (5 âm) là: x, cx, nx, tx, nz; c) nhóm cấu âm *cuống lưỡi hàm mềm* (11 âm) gồm: gr, k, kr, nkr, j, nj, s, ts, w, y, và ny; d) nhóm có cấu âm *đầu lưỡi, mặt lưỡi hàm éch trên* (31 âm) với những phụ âm: c, ch, cx, đ, đh, đr, g, h, hl, hm, hmn, hn, hnh, kh, l, n, nd, ng, nh, nq, nr, nt, nth, q, r, sh, t, th, tr, v, z.

Mười một nguyên âm trong chữ MVN được hai tác giả chế tác chữ viết biểu thị bằng những con chữ là: a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư, giống “như tiếng Việt” để tạo thành 24 vần. Trong số 24 vần được liệt kê ra, chúng

ta nhận thấy có những vần như: *ang, ăng, inh, v.v..* mà về hình thức chữ viết có cấu tạo gồm một chữ viết nguyên âm và một chữ viết phụ âm. Còn về thanh điệu, chữ MVN đã dùng 7 con chữ phụ âm là k, l, r, s, v, x, z để thể hiện bảy thanh và thêm một thanh “không đánh dấu” giống như trong tiếng Việt. Việc dùng con chữ Latin để xây dựng chữ viết tiếng Mông như vừa được mô tả cho thấy kiểu chữ MVN luôn lấy “chữ viết tiếng Việt”, tức chữ Quốc ngữ Latin, làm chuẩn để so sánh và đối chiếu.

Trong trường hợp về chữ viết tiếng Mông kiểu RPA thì khác, bảng chữ cái RPA là sự kết hợp trạng thái ngữ âm của hai phương ngữ tiếng Mông: phương ngữ Mông Trắng (H'mong Der, White H'mong; RPA: Hmoob Dawb) và phương ngữ Mông Hoa (Mong Leng, Green/Blue Mong; RPA: Moob Leeg) [15]. Danh sách chữ viết mà bảng chữ cái RPA sử dụng để thể hiện ngữ âm tiếng Mông gồm: a) 60 chữ viết thể hiện phụ âm đầu âm tiết được nhận diện theo hai phương thức cấu âm là *âm tắc* (occlusives) và *âm xát* (fricatives); b) 14 chữ viết thể hiện ba nhóm nguyên âm làm âm chính (đồng thời cũng là *phần vần*) của âm tiết là những *nguyên âm đơn* (monophthongs), *nguyên âm mũi* (nasalized) và *nguyên âm đôi* (diphthongs); c) 06 chữ viết thể hiện sáu thanh điệu và một thanh điệu không ký hiệu bằng chữ viết⁷. Điều khác biệt rõ nhất là trong chữ viết tiếng Mông RPA không thể hiện *vần* của tiếng Mông gồm chữ viết nguyên âm kết hợp chữ viết phụ âm.

Những mô tả tóm tắt ở trên đã cung cấp cho chúng ta một cái nhìn tổng quan về hiện trạng sử dụng con chữ Latin phản ánh

tình trạng ngữ âm tiếng Mông của hai kiểu chữ viết MVN và RPA. Qua cái nhìn tổng quan ấy, chúng ta có thể nêu lên một vài nhận xét về mặt kỹ thuật chế tác chữ viết trong mối liên hệ với ngữ âm của hai kiểu văn tự ấy như sau.

Thứ nhất, nếu như về cơ bản chữ MVN lấy ngữ âm phương ngữ Mông Hoa (phương ngữ Hmôngz Lênhl) vùng Sa Pa làm âm tiêu chuẩn cho bộ chữ viết thì kiểu chữ RPA đã không theo cách xác định phương ngữ tiêu chuẩn. Những người chế tác bộ chữ RPA xử lý theo nguyên tắc lựa chọn con chữ, đồng thời thể hiện cả những biến thể riêng trong mỗi phương ngữ mà phương ngữ kia không thấy xuất hiện. Điều này có nghĩa là những con chữ trong bộ chữ RPA là sự hợp nhất những khác biệt về ngữ âm hiện có của hai phương ngữ Mông Trắng (H'mong Der, White H'mong; RPA: Hmoob Dawb) và phương ngữ Mông Hoa (Mong Leng, Green/Blue Mong; RPA: Moob Leeg) ở Lào. Đó là sự khác biệt rất quan trọng về kỹ thuật chế tác chữ viết Latin tiếng Mông giữa kiểu chữ MVN và RPA và có thể nó ảnh hưởng đến tính “thuận lợi” khi cộng đồng người Mông sử dụng chữ viết.

Thứ hai, về mặt kỹ thuật chế tác chữ viết của hai kiểu văn tự MVN và RPA là việc lựa chọn chữ viết nguyên âm phản ánh tình trạng ngữ âm của tiếng Mông nói chung. Trong khi kiểu chữ MVN, trên cơ sở lấy ngữ âm tiếng Mông Hoa làm âm chuẩn, chỉ xác định ngữ âm phương ngữ này có 11 nguyên âm đơn nên đã dùng 11 con chữ nguyên âm để thể hiện và chấp nhận tiếng Mông có 24 vần (được thể hiện bằng con

chữ: *ai, ang, ao, ăng, âu, ei, eng, êi, ênh, êu, iê, inh, oa, oai, oang, ôi, ông, ơu, ui, uô, ui, ung, uê, uênh*). Còn kiểu chữ RPA thì dùng 14 chữ viết thể hiện ba nhóm nguyên âm làm âm chính (đồng thời cũng là phần *vần*) của âm tiết là những *nguyên âm đơn, nguyên âm mũi* và *nguyên âm đôi*. Cách dùng của kiểu chữ RPA, nhận diện tiếng Mông có số lượng nguyên âm nhiều hơn và không cho rằng cấu trúc âm tiết của tiếng Mông có những phần *vần* gồm một chữ viết nguyên âm và những chữ viết phụ âm hay kết hợp hai chữ viết nguyên âm. Trong việc xử lý phần *vần* của ngữ âm tiếng Mông đã phản ánh khả năng mô tả hay tiếp cận hệ thống ngữ âm của ngôn ngữ mà hai nhóm chế tác chữ viết đã thực hiện.

Thứ ba, về mặt kỹ thuật chế tác chữ viết của hai kiểu văn tự MVN và RPA là việc xử lý số lượng thanh điệu trong ngôn ngữ. Theo đó, như mô tả của *Sách học tiếng Mông*, kiểu văn tự MVN nhận diện ngôn ngữ có 08 thanh điệu gồm: 5 thanh (một thanh không đánh dấu và bốn thanh đánh dấu bằng những con chữ r, v, x, z) thuộc *dòng hình sin* và 3 thanh (được đánh dấu bằng con chữ k, l và s) thuộc *dòng thẳng trâm*. Trong số đó có 4 thanh tương ứng với thanh *không dấu*, thanh *sắc* (chữ r), thanh *huyền* (chữ x) và thanh *hỏi* (chữ v) của tiếng Việt. Trong khi đó kiểu chữ RPA nhận diện tiếng Mông chỉ có 7 thanh (một thanh không dấu và sáu thanh đánh dấu theo con chữ b, s, j, v, m, g). Bảy thanh điệu tiếng Mông được ghi lại trong chữ RPA chia thành ba âm vực (register) gồm: thanh *cao* (high) được thể hiện hay đánh bằng chữ b, thanh *cao xuống* (high falling)

được thể hiện bằng chữ *j*, thanh *trung bình* (mid) được thể hiện bằng cách không đánh dấu, thanh *trung bình lên* (mid rising) đánh dấu bằng chữ *v*, thanh *thấp* (low) được thể hiện bằng chữ *s*, thanh *thấp xuống* (low falling) được đánh dấu bằng chữ *g* và một thanh *nghe hơng* (creaky) được thể hiện bằng con chữ *m*. Có thể nhận thấy, số lượng thanh điệu mà hai kiểu chữ MVN và RPA nhận diện và ghi lại bằng chữ viết trong tiếng Mông là không như nhau. Đồng thời, cách thức phân loại nhóm thanh tiếng Mông mà kiểu chữ viết RPA thực hiện là đơn giản và dễ được nhận diện hơn [11].

Qua những nét khác nhau và giống nhau như vừa được trình bày, nếu đem so sánh với kết quả nghiên cứu ngữ âm tiếng Mông mà ngôn ngữ học thực hiện trong thời gian gần đây, chẳng hạn nghiên cứu của Mortensen [14], chúng ta sẽ nhận thấy mức độ hợp lý của sự phản ánh ngữ âm tiếng Mông giữa hai kiểu văn tự MVN và RPA là không như nhau. Theo đó, trong mô tả về âm vị học phương ngữ Mông Lềnh (chữ MVN: Hmôngz Lênhl; chữ RPA: Moob Leeg) do David Mortensen công bố năm 2004, âm tiết tiếng Mông chỉ gồm các âm tiết mở (CV, CVV, C1C2V, C1C2VV). Các phụ âm đầu trong hệ thống ngữ âm của phương ngữ này gồm có 48 *phụ âm đơn* (simple consonants) và 9 *tổ hợp phụ âm* (clusters), trong đó có 4 tổ hợp phụ âm (là/kl/, /k^hl/, /^mkl/ và /^mk^hl/ hiện diện hai biến thể phát âm khác nhau [14, tr.3]. Còn về nguyên âm, phương ngữ Mông Lềnh mà tác giả này mô tả có tới 06 *nguyên âm đơn thông thường* (oral monophthongs), 03 *nguyên âm đơn mũi hóa* (nasal monophthongs) và 04 *nguyên âm đôi* (diphthongs). Trong khi đó, về thanh điệu

thì mô tả của David Mortensen cho biết phương ngữ Mông Lềnh chỉ có tối đa là bảy thanh điệu. Đồng thời trong bài viết, tác giả cũng đã cho biết phương ngữ Mông Lềnh là một trong những phương ngữ tiếng Mông có địa bàn phân bố rộng rãi không chỉ ở khu vực Đông Nam Á mà cả trên thế giới⁸ [14].

Chúng ta biết rằng, hai kiểu chữ Latin MVN và RPA đang được sử dụng ở Việt Nam đều thể hiện là đã sử dụng cơ sở ngữ âm của phương ngữ Mông Lềnh hay còn gọi là phương ngữ Mông Hoa (Green/Blue Mong; chữ MVN: Hmôngz Lênhl; chữ RPA: Moob Leeg) để lựa chọn chữ viết tương ứng. Nhưng nếu đối chiếu dạng thức chữ viết của kiểu chữ MVN và kiểu chữ RPA với trạng thái ngữ âm của phương ngữ Mông Lềnh do David Mortensen miêu tả, có thể nhận thấy kiểu chữ MVN thiếu hụt một số con chữ thể hiện phụ âm đầu và nguyên âm của âm tiết có trong phương ngữ Mông Lềnh và sự thiếu hụt ấy lớn hơn rất nhiều so với kiểu chữ RPA. Trong khi đó, kiểu chữ MVN lại thể hiện số lượng thanh điệu nhiều hơn thực tế ngữ âm của phương ngữ Mông Lềnh. Mặt khác, kiểu chữ MVN lại chấp nhận âm tiết của ngôn ngữ có tới 24 vần, trong đó những vần có sự kết hợp giữa nguyên âm và phụ âm chứ không phải là âm tiết mở như thực tế ngữ âm của chính phương ngữ. Nói một cách khác, nếu như chữ MVN là ghi âm tiếng Mông Lềnh vùng Sa Pa thì có những chứng cứ về mặt ngữ âm học cho biết kiểu chữ ấy khả năng có một vài trường hợp không tương thích với ngữ âm của chính phương ngữ Mông Lềnh cũng như những phương ngữ Mông ở những vùng địa lý khác.

3. Tình trạng sử dụng chữ viết thể hiện thái độ ngôn ngữ về chữ viết

3.1. Kết quả khảo sát tình trạng sử dụng chữ Mông ở Việt Nam

Năm 2013, khi khảo sát về tình hình mù chữ của người DTTS ở Điện Biên [5], chúng tôi đã tiếp xúc với thực tế tiếp nhận giáo dục tiếng mẹ đẻ của người Mông cư trú ở bản Pú Tiu [4]. Năm 2016, Nguyễn Kiến Thọ đã cung cấp một góc nhìn mà tác giả cho rằng xuất phát từ thực tiễn sử dụng chữ viết tiếng Mông ở hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên [13]. Gần đây, Nguyễn Trung Kiên cũng đã công bố thêm một nghiên cứu về tình hình sử dụng chữ RPA trong cộng đồng người Mông ở khu vực Tây Bắc Việt Nam qua khảo sát điền dã tại hai tỉnh Sơn La và Lai Châu [8]. Những nghiên cứu nói trên, mặc dù còn chưa phản ánh đầy đủ bức tranh sử dụng chữ viết của người Mông ở Việt Nam, nhưng đã phản ánh một thực trạng sử dụng chữ RPA trong hoạt động giáo dục tiếng mẹ đẻ cho cộng đồng người Mông đang sinh sống ở vùng Tây Bắc và Việt Bắc của Việt Nam hiện nay.

Đối với trường hợp người Mông Pú Tiu thuộc huyện Mường Ảng tỉnh Điện Biên, chữ Mông mà cư dân ở đây tiếp nhận trong giáo dục tiếng mẹ đẻ là chữ RPA chứ không phải là chữ MVN. Cách thức mà người Mông nơi đây tiếp nhận là thông qua việc “đọc kinh Thánh”; nhờ đó mà tỷ lệ “mù chữ” tiếng mẹ đẻ của cư dân thuộc địa bàn chỉ ở mức 0,1% [4, tr.440]. Trong bài viết của Nguyễn Kiến Thọ có ba nội dung cung cấp thông tin quan trọng về tình trạng sử dụng chữ Latin tiếng Mông ở Việt

Nam [12] đó là: (1) “Hiện nay có hai xu hướng dạy - học và sử dụng chữ Mông: dạy - học chữ Mông Việt Nam, chủ yếu được phổ biến tại các trường phổ thông, cao đẳng khu vực Tây Bắc Việt Nam; chữ Mông quốc tế... được sử dụng và phổ biến nhiều trong các cộng đồng người Mông; được giảng dạy chủ yếu cho cán bộ công chức các dân tộc khác lên công tác ở vùng đồng bào Mông”; (2) Liên quan đến trường hợp hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên, nơi “có Đại học Thái Nguyên... với hơn 500 sinh viên các ngành Mông đang theo học”, tác giả cho biết rằng: “Qua khảo sát bước đầu của chúng tôi, hầu như tất cả số sinh viên người Mông nói trên đều có thể đọc và viết *chữ RPA* một cách thành thạo bằng con đường tự học... Trong khi có một thực tế là chữ MVN... cho đến nay hầu như không sử dụng hoặc sử dụng trong một phạm vi hẹp...”; (3) Tác giả cho biết là: “Kết quả điều tra do Ủy ban Dân tộc thực hiện năm 2014 về thực trạng sử dụng chữ Mông ở các tỉnh Yên Bái, Lai Châu, Điện Biên, Hà Giang và Cao Bằng đã khẳng định được thực trạng và nhu cầu hiểu biết, sử dụng chữ Mông quốc tế cao hơn nhiều so với chữ Mông Việt Nam”⁹ [12].

Còn nghiên cứu mà Nguyễn Trung Kiên thực hiện trên cơ sở khảo sát điền dã tại hai tỉnh Sơn La và Lai Châu về tình trạng sử dụng chữ viết trong cộng đồng người Mông là như sau: “Trong số những người Mông biết chữ Mông thì tỉ lệ người Mông biết từng loại chữ Mông lại có sự chênh lệch lớn, như: người Mông ở Tà Xùa và Sin Suối Hồ biết chữ Mông khu vực chiếm tỉ lệ cao (89,55% và 98,03%), trong khi đó tỉ lệ

người biết chữ Mông Việt Nam ở hai địa bàn này lại rất thấp (8,19% và 2,73%)” [8]. Căn cứ vào cách thức điều tra được tác giả mô tả trong bài viết, đây có thể là một số liệu điền dã đã phản ánh một thực tế khách quan về tình trạng người Mông ở hai địa điểm nói trên quan tâm nhiều đến kiểu chữ MVN hay chữ Mông khu vực.

Cũng trong bài viết đã công bố, trên cơ sở khảo sát thực tế, Nguyễn Trung Kiên đã cho biết ý kiến của người Mông về kiểu chữ viết Latin: “Người Mông cho rằng dù là loại chữ Mông nào chỉ cần dễ học, dễ nhớ, dễ sử dụng; có thể dùng để trao đổi thông tin, tư tưởng tình cảm trong cộng đồng mình thì đều hữu ích và đáng quý (Ý kiến của bà Giàng Thị Mỹ, 28 tuổi, bản Sin Suối Hồ)” [8]. Chúng tôi cho rằng ý kiến cụ thể của thanh niên người Mông Giàng Thị Mỹ tuy còn là thiểu số, cũng như kết quả khảo sát về tình trạng mù chữ của người Mông ở Pú Tiu cho chúng ta thấy, đối với cộng đồng người Mông, tính “hợp lý” của chữ viết được thể hiện qua yêu cầu “cần dễ học, dễ nhớ, dễ sử dụng” đối với tiếng mẹ đẻ của họ và đây rõ ràng là một yêu cầu quan trọng. Trong trường hợp những người Mông mà chúng tôi tiếp xúc hay Nguyễn Trung Kiên đã khảo sát điền dã, họ ít chú ý đến kiểu chữ mà mình đang dùng để ghi lại tiếng mẹ đẻ của họ có nguồn gốc hay xuất xứ từ đâu.

3.2. Thái độ ngôn ngữ về chữ viết tiếng mẹ đẻ của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam

Trong một bài nghiên cứu về chữ viết cho ngôn ngữ DTTS sử dụng trong giáo dục ngôn ngữ công bố trên Tạp chí *Ngôn ngữ số*

tháng 3 năm 2019, chúng tôi đã trình bày kết quả nghiên cứu cũng như những suy nghĩ của mình về tình trạng hiện nay của vấn đề này. Trong bài viết, có hai vấn đề đã được chúng tôi nêu ra là thực tế sử dụng chữ viết ở Việt Nam và nguyên nhân của tình trạng đó. Dưới đây, chúng tôi cũng sẽ quay trở lại hai vấn đề này để liên hệ với việc lựa chọn chữ viết tiếng Mông.

3.2.1. Thái độ ngôn ngữ về chữ viết tiếng mẹ đẻ của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam

Theo kết quả nghiên cứu mà chúng tôi thực hiện trong nhiều năm, vấn đề chữ viết đối với tiếng mẹ đẻ của người DTTS ở Việt Nam sử dụng trong giáo dục ngôn ngữ đang ở tình trạng bất cập được thể hiện ở tình trạng chữ viết Latin của một số ngôn ngữ DTTS (như tiếng Mông, tiếng Thái, tiếng Tày Nùng, v.v..) tuy đã được xây dựng nhưng cuối cùng rất ít được cộng đồng người DTTS sử dụng trong hoạt động giáo dục tiếng mẹ đẻ [7]. Có thể nói, đây là một thực tế về vấn đề chữ viết Latin đối với tiếng mẹ đẻ của người DTTS ở Việt Nam sử dụng trong giáo dục ngôn ngữ. Nó cần phải được phân tích và xử lý, qua đó góp phần thực hiện nhiệm vụ của chính sách giáo dục tiếng mẹ đẻ cho người DTTS ở Việt Nam.

Trên thực tế, đối với từng ngôn ngữ cụ thể, chúng ta có bức tranh về nhu cầu sử dụng chữ viết tiếng mẹ đẻ của người DTTS như sau. Đối với trường hợp tiếng Mông, những địa bàn mà chúng tôi cũng như Nguyễn Trung Kiên khảo sát thực tế đều cho thấy mức độ “ưa thích” của những người Mông là khác nhau giữa kiểu chữ

Latin MVN và RPA. Thực tế đã phần nào nói lên trong số hai kiểu chữ Latin tiếng Mông đang hiện diện ở Việt Nam, xét ở yếu tố “kỹ thuật” xây dựng chữ viết ngôn ngữ các DTTS, kiểu chữ nào là kiểu chữ hợp lý hơn đối với người Mông. Trong Nghị định số 206/CP ngày 27 tháng 11 năm 1961 của Hội đồng Chính phủ, Việt Nam cũng đã phê duyệt chữ viết Latin cho ngôn ngữ dân tộc Thái. Tuy nhiên, phương án chữ Thái hệ Latin được phê duyệt nhưng cũng chỉ có duy nhất tỉnh Lai Châu cũ (bây giờ là hai tỉnh Điện Biên và Lai Châu) ban hành vào năm 1981 để cộng đồng người Thái trong tỉnh sử dụng. Trong khi đó, ở Việt Nam có tới sáu tỉnh có người Thái cư trú và tỉnh Lai Châu (cũ) cũng chỉ là một trong số sáu tỉnh có người Thái sinh sống. Hiện nay, dường như chữ Thái Latin đã hầu như không còn được cộng đồng người Thái sử dụng. Phát biểu của ông Mạc Phi: “Sau mấy chục năm đặt ra bộ chữ Thái Latin hóa, bộ chữ Thái được gọi là cổ truyền vẫn giữ nguyên sức sống trong việc thư từ đi lại trong nội bộ dân tộc” [10, tr.466] đã xác nhận tình trạng đó.

Trường hợp chữ viết Latin tiếng Tày - Nùng cũng tương tự. Trong khi tiếng Tày và tiếng Nùng vốn đã có chữ viết cổ truyền thống theo kiểu Trung Hoa và vẫn đang được sử dụng trong cộng đồng dân cư thì lại xây dựng và ban hành thêm kiểu chữ Latin Tày - Nùng. Cách thức mà những người đặt chữ Latin tiếng Tày - Nùng là theo chủ trương “mỗi âm được thể hiện bằng một con chữ” [13, tr.130-131] và chọn tiếng Tày - Nùng thuộc vùng Hòa An của tỉnh Cao Bằng là vùng ngữ âm chuẩn của

chữ viết. Thế nhưng, kết quả mà người dân sử dụng chữ viết Latin Tày - Nùng không hoàn toàn như mong muốn. Nhận xét của học giả Lương Bền, một người Tày - Nùng, cho rằng: “Gần hai chục năm qua, chữ Tày Nùng đã bị lãng quên, do đó một thế hệ người dân tộc Tày - Nùng không được gọi nhớ tới tiếng nói và chữ viết của riêng mình” [1, tr.83]. Một nhà ngôn ngữ học người Tày - Nùng khác, Hoàng Ma, cũng đã nhận xét: “Lòng dân, lòng cán bộ Tày - Nùng đối với việc dạy chữ đã nguội lạnh... Ấn tượng chung trong nhân dân: một việc làm không mang lại hiệu quả, một việc làm thất bại” [9, tr.210]. Chữ viết mà hai ông Lương Bền và Hoàng Văn Ma nói đến ở đây là chữ Latin tiếng Tày - Nùng được chế tác dựa vào ngữ âm tiếng Tày - Nùng vùng Hòa An.

3.2.2. Nguyên nhân của vấn đề

Trong bài báo công bố năm 2019, chúng tôi cho rằng, nguyên nhân của tình trạng bất cập trong vấn đề chữ viết Latin đối với tiếng mẹ đẻ của người DTTS ở Việt Nam có nhiều lý do khác nhau; nhưng trong số đó, có một lý do quan trọng là cách thức hay kỹ thuật mà người ta đã áp dụng khi xây dựng chữ viết cho ngôn ngữ DTTS. Theo đó, chính nguyên tắc “chọn một phương ngữ làm cơ sở chuẩn” trong xây dựng chữ viết cho ngôn ngữ DTTS là một trong những nguyên nhân kỹ thuật khiến cho việc xây dựng chữ viết trở nên lỗi thời và bất cập. Bởi vì, “theo như chúng tôi đã từng phân tích về những vấn đề ngôn ngữ học xã hội vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam..., người dân sử dụng ngôn ngữ sẽ

không chia sẻ sự đồng tình với nhà nghiên cứu xây dựng chữ viết khi cho rằng giữa những thổ ngữ khác nhau trong một ngôn ngữ DTTS có một vùng thổ ngữ là phương ngữ *chuẩn* (normative) đối với ngôn ngữ đó” [7]. Vì vậy, những kiểu chữ viết Latin xây dựng cho ngôn ngữ một DTTS mà làm theo cách “chọn một phương ngữ làm cơ sở chuẩn” đối với ngôn ngữ đó thì sẽ hầu như không được cộng đồng cư dân ở những phương ngữ khác trong cùng ngôn ngữ chấp nhận.

Việc phân tích trường hợp chế tác chữ Mông Latin Việt Nam với việc chọn “tiếng Mông Hoa (Hmôngz Lênh) vùng Sa Pa là âm tiêu chuẩn cho bộ chữ Mông Việt Nam” là một ví dụ rõ ràng nhất. Tính bất cập của nguyên tắc “chọn một phương ngữ làm cơ sở chuẩn”¹⁰ [13, tr.119] trong xây dựng chữ viết cho ngôn ngữ DTTS là vấn đề ngôn ngữ học xã hội vùng DTTS ở Việt Nam mà thời gian trước đây những người chế tác chữ viết Latin ở Việt Nam đã không tính đến. Vì thế, nhiều vùng tiếng Mông nằm ngoài phương ngữ Mông Lênh ở Sa Pa đều nhận thấy chữ MVN là “khó dùng” để ghi lại tiếng nói của phương ngữ thuộc địa phương mình. Trong khi đó, chữ RPA, nhờ thực hiện theo nguyên tắc “lựa chọn con chữ đồng thời thể hiện cả những biến thể riêng trong mỗi phương ngữ mà phương ngữ kia không thấy xuất hiện” đã cho phép người sử dụng chữ viết có khả năng lựa chọn. Nhờ đó mà người nói những phương ngữ tiếng Mông khác nhau không thấy bị gò bó vào những con chữ không phù hợp với ngữ âm của phương ngữ mà mình sử dụng. Trường hợp chữ viết Latin tiếng Tày

- Nùng cũng thế. Trên thực tế, những người Tày - Nùng cư trú ở những vùng khác không phải là vùng Hòa An thường lúng túng trong việc dùng chữ Latin Tày - Nùng đã được phê duyệt. Bởi vì trên thực tế, cộng đồng người DTTS không có ý niệm “phương ngữ nào là chuẩn” đối với tiếng nói của dân tộc.

4. Vấn đề lựa chọn chữ Mông Latin trong giáo dục tiếng Mông ở Việt Nam qua “thái độ ngôn ngữ” và kỹ thuật chế tác chữ viết

Với thực tế sử dụng chữ viết tiếng Mông trong hoạt động giáo dục tiếng mẹ đẻ của người Mông và qua việc phân tích thái độ ngôn ngữ đối với chữ viết tiếng mẹ đẻ của người DTTS ở Việt Nam, chúng tôi xin trình bày một góc nhìn cá nhân về việc lựa chọn chữ viết Latin tiếng Mông trong hoạt động giáo dục tiếng mẹ đẻ của người Mông đối với hai kiểu chữ MVN và RPA. Qua thực tế ở nhiều vùng khác nhau của Việt Nam hiện nay, việc đặt ra vấn đề chọn một trong hai kiểu chữ viết (chữ MVN và RPA) là kiểu chữ viết thống nhất hay duy nhất trong giáo dục tiếng mẹ đẻ cho người Mông ở Việt Nam đều không phù hợp với thực tế khách quan. Đặc biệt, có thể cách lựa chọn như thế sẽ không phù hợp ở khía cạnh hay thái độ ngôn ngữ của người DTTS mà ở cả góc nhìn về kỹ thuật xây dựng chữ viết Latin mà chúng ta đã và đang thực hiện ở Việt Nam.

Chúng ta biết rằng, trong một công bố gần đây của Nguyễn Kiến Thọ, tác giả bài viết đã đưa ra một ý kiến cụ thể rằng

“không nên/không thể muộn hơn, chúng ta cần công nhận và thống nhất sử dụng chữ Mông quốc tế trong dạy - học chữ Mông ở Việt Nam” [12]. Có thể nhận thấy lập luận của tác giả về thái độ ngôn ngữ đối với chữ viết của người sử dụng và dựa vào nhận xét ban đầu về tính hợp lý của kỹ thuật xây dựng giữa hai kiểu chữ viết. Tuy nhiên, những lập luận mà tác giả trình bày và đưa ra những nhận xét đó còn chưa đủ cơ sở khoa học để xác nhận tính hợp lý của nó.

Thứ nhất, khi trao đổi về “tình trạng sử dụng chữ Mông ở Việt Nam”, nhận xét của Nguyễn Kiến Thọ là “chữ Mông quốc tế..., được sử dụng và phổ biến nhiều trong các cộng đồng người Mông; được giảng dạy chủ yếu cho cán bộ công chức các dân tộc khác lên công tác ở vùng đồng bào Mông” và “hầu như tất cả số sinh viên người Mông nói trên đều có thể đọc và viết *chữ Mông quốc tế* một cách thành thạo bằng con đường tự học... Trong khi có một thực tế là chữ Mông Việt Nam... cho đến nay hầu như không sử dụng hoặc sử dụng trong một phạm vi hẹp...” [12]. Thế nhưng nhận xét quan trọng đó còn chưa có số liệu ngôn ngữ học được thu thập một cách khoa học để chứng minh. Để có được kết luận cuối cùng, nhất định phải có được những số liệu điều tra ngôn ngữ học xã hội một cách đầy đủ trên toàn bộ những địa bàn khác nhau nơi người Mông cư trú. Nếu không, chỉ dựa vào những nhận xét có tính chủ quan, chúng ta có thể xử lý một cách vội vàng.

Việc lựa chọn và chế tác chữ viết Latin tiếng mẹ đẻ của cộng đồng người DTTS trong hoạt động giáo dục ngôn ngữ là một

công việc chuyên môn rất phức tạp. Vì thế, trường hợp lựa chọn chữ viết Latin cho ngôn ngữ của dân tộc Mông ở Việt Nam, cũng không phải là trường hợp ngoại lệ. Thế nhưng, một số nhà nghiên cứu cũng như những người chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ lựa chọn này của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban Dân tộc của Chính phủ lại xem việc lựa chọn đó như một công việc đơn giản, giống như một công việc hay quyết định hành chính thông thường. Chúng ta biết rằng, vấn đề lựa chọn kiểu chữ Latin đối với ngôn ngữ dân tộc Mông là MVN hay RPA đã được đặt ra trong mấy chục năm nay. Cho nên, nhận định như vừa được chúng tôi đưa ra không phải là một nhận định không có cơ sở thực tế.

Theo như bài viết mà Nguyễn Kiến Thọ công bố thì: “Kết quả điều tra do Ủy ban Dân tộc thực hiện năm 2014 về thực trạng sử dụng chữ Mông ở các tỉnh Yên Bái, Lai Châu, Điện Biên, Hà Giang và Cao Bằng đã khẳng định được thực trạng và nhu cầu hiểu biết, sử dụng chữ Mông quốc tế cao hơn nhiều so với chữ Mông Việt Nam” [13]. Căn cứ vào thông tin mà tác giả dẫn ra, có những dấu hiệu cho biết đây là một thông tin còn chưa đủ tin cậy như: (1) Thông tin mà tác giả dẫn ra chưa được chỉ dẫn xuất xứ để có thể kiểm chứng giá trị khoa học¹¹; (2) Nếu như chỉ điều tra thực trạng sử dụng tiếng Mông ở các tỉnh Yên Bái, Lai Châu, Điện Biên, Hà Giang và Cao Bằng mà khẳng định thực trạng và nhu cầu sử dụng chữ RPA cao hơn nhiều so với chữ MVN là phiến diện. Bởi vì, người Mông ở Việt Nam cư trú ở một địa bàn rộng hơn nhiều so với 5 tỉnh nói trên; nếu tính những tỉnh có

khoảng 15.000 người Mông trở lên, con số ấy phải là 13 tỉnh khác nhau [6, tr.89]. Mặt khác, chữ Latin MVN là kiểu chữ “lấy phương ngữ Mông Hoa (Hmôngz Lênhl) vùng Sa Pa làm âm tiêu chuẩn”; vậy khi mà chưa có sự khảo sát ở Lào Cai thì đã đủ dữ liệu để khẳng định người Mông nói chung có nhu cầu sử dụng chữ Mông quốc tế cao hơn nhiều so với chữ MVN là đủ tin cậy hay chưa; (3) Năm 2007, Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai vẫn sử dụng *Sách giáo khoa tiếng Hmông* theo kiểu chữ viết Latin MVN để dạy học trên địa bàn [2]. Vậy, tài liệu đó có được người Mông ở Lào Cai chấp nhận hay không. Chúng tôi nghĩ rằng, “Kết quả điều tra do Ủy ban Dân tộc thực hiện năm 2014” về thực trạng sử dụng chữ Mông, nếu đúng như trong bài viết mà Nguyễn Kiến Thọ đã nói và nếu là kết quả của một nghiên cứu khoa học, nên chẳng có thể công bố rộng rãi để những người quan tâm đến “thái độ ngôn ngữ” về chữ viết của người Mông tham khảo và thảo luận.

5. Kết luận

Ý tưởng chọn chữ MVN hay chữ RPA để làm kiểu chữ viết chính thức và duy nhất trong hoạt động giáo dục tiếng Mông cho người Mông ở Việt Nam phải được dựa trên một thái độ làm việc nghiêm túc và thực sự tôn trọng kết luận khoa học. Nếu không, những xử lý hay kết luận như đã từng quyết định trước đây sẽ không thu được kết quả như mong muốn.

Việc lựa chọn chữ MVN hay chữ RPA để làm kiểu chữ viết chính thức trong hoạt động giáo dục tiếng Mông cho người Mông

ở Việt Nam là một hoạt động khoa học của khoa ngôn ngữ học và khoa học giáo dục ngôn ngữ. Vì thế, chúng tôi xin kiến nghị để thực sự đảm bảo cơ sở khoa học của việc lựa chọn chữ viết trong giáo dục tiếng mẹ đẻ cho người dân tộc Mông, Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Ủy ban Dân tộc của Chính phủ cần đặt hàng cho một đơn vị nghiên cứu đủ năng lực chuyên môn trả lời và được kiểm chứng một cách khoa học cho hai câu hỏi:

Câu hỏi thứ nhất là, về mặt kỹ thuật chữ viết, chữ Latin MVN và chữ RPA đã thực sự phù hợp với tiếng Mông (bao gồm các phương ngữ của ngôn ngữ) ở Việt Nam ở mức độ nào? Nếu như hai kiểu chữ viết cần có sự điều chỉnh thì sẽ điều chỉnh như thế nào?

Câu hỏi thứ hai là, trên thực tế trong hơn 13 tỉnh ở Việt Nam có người Mông cư trú ở những địa phương nào (trong tỉnh, trong huyện, trong xã và bản) và kiểu chữ Mông nào (MVN hay RPA) được sử dụng trong giáo dục ngôn ngữ? Đồng thời, lý do cũng như thái độ của chính người Mông trong việc lựa chọn và sử dụng kiểu chữ đó là như thế nào?

Chúng tôi nhận thấy rằng, trong khi còn chưa có được câu trả lời đủ thuyết phục về chuyên môn cho hai vấn đề được đặt ra ở trên, việc đưa ra một quyết định lựa chọn nào đó cũng chỉ là một việc làm mơ hồ giống như những gì người ta đã làm trong nhiều thập niên vừa qua. Và như vậy thì việc lựa chọn chữ MVN hay chữ RPA trong hoạt động giáo dục tiếng mẹ đẻ cho người Mông sẽ không có kết quả như mong muốn.

Chú thích

² Bài này được viết lại trên cơ sở bài tham luận tham gia Hội thảo Quốc gia đề tài “Hoạt động giáo dục ngôn ngữ vùng DTTS Việt Nam, Mã số ĐTĐL.XH-08.18”, tổ chức tại Viện Ngôn ngữ học ngày 16/07/2020.

³ Trong một bài viết gần đây, Nguyễn Trung Kiên cho biết chữ Mông Việt Nam “lấy phương ngữ Mông Hoa (Mông Lênh, Mông Si) của vùng Sa Pa (Lào Cai) làm chuẩn” [8]. Thông tin Mông Si (Hmôngz Siz, Mông Đò) mà Nguyễn Trung Kiên nói thêm ở đây chưa được chỉ rõ xuất xứ thông tin và khác với những gì được ghi trong *Sách học tiếng Mông*. Cho nên, theo chúng tôi, thông tin khác với nội dung mà nhóm Thảo Seo Sinh và Phan Thanh cung cấp trong cuốn sách của hai tác giả cần được kiểm chứng lại.

⁴ Trước đây và hiện nay, kiểu chữ Mông này vẫn được nhiều người gọi là chữ Mông quốc tế. Tuy nhiên năm 2013, khi có dịp trao đổi với người Mông ở bản Pú Tiu, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên về tên gọi kiểu chữ Mông này, chúng tôi đã từ đó đề nghị nên gọi đây là chữ *RPA* [4].

⁵ Nội dung thông tin mở nói trên được thể hiện trong đoạn tiếng Anh sau đây: “The alphabet was developed to write both the Hmong Der (White Hmong, RPA: *Hmoob Dawb*) and Mong Leng (Green/Blue Mong, RPA: *Moob Leeg*) dialects. While these dialects have much in common, each has unique sounds. Consonants and vowels found only in Hmong Der or Green Mong are color-coded respectively. Some writers make use of variant spellings... Hmong Der was arbitrarily chosen to be the “standard” variant”.

⁶ Xin lưu ý là tác giả Phan Thanh, người biên soạn cuốn *Sách học tiếng Mông* năm 2003 cũng chính là người cùng với Nguyễn Văn Chính được giao xây dựng chữ Mông để Chính phủ Việt Nam ban hành vào năm 1961. Vì thế, trên thực tế, những

thông tin có trong cuốn *Sách học tiếng Mông* năm 2003 mà hai tác giả cung cấp cho chúng ta về quá trình chế tác chữ Mông là hoàn toàn xác thực và nó đã thể hiện khả năng xác định tình trạng phát âm tiếng Mông mà Nguyễn Văn Chính và Phan Thanh nhận thức khi hai người là tác giả chính chế tác kiểu chữ viết của tiếng Mông được Việt Nam công bố năm 1961.

⁷ Danh sách con chữ trong chữ viết tiếng Mông RPA là tài liệu mở có trong “Wikipedia, the free encyclopedia. Romanized Popular Alphabet”. Trong điều kiện tin học hiện nay, rất thuận tiện trong việc tra cứu và sử dụng. Vì thế, để tránh bài viết thêm dài dòng, chúng tôi không dẫn ra danh sách cụ thể như đối với trường hợp chữ MVN.

⁸ David Mortensen, cho biết rằng vào thời điểm mà tác giả mô tả ngữ âm, phương ngữ Mông Lênh có cư dân cư trú ở Tây Nam Trung Quốc (Quý Châu, Tứ Xuyên, Vân Nam), Việt Nam, Lào, Thái Lan, Myanmar và các nước như Mỹ, Ghi-nê thuộc Pháp, Pháp, Úc và một số nước phương Tây khác [10].

⁹ Xin lưu ý là cả ba nội dung mà Nguyễn Kiến Thọ cung cấp trong bài viết còn chưa được tác giả chỉ dẫn chi tiết về xuất xứ thông tin. Cụ thể, ở nội dung thứ nhất và nội dung thứ hai, tác giả đã chưa giải thích rõ cách thức thu thập tư liệu cũng như địa lý của nơi sử dụng và cũng chưa có những số liệu cụ thể để chứng minh cho hai nội dung thể hiện những thông tin đó. Còn ở nội dung thứ ba, tuy nói về số liệu của Ủy ban Dân tộc nhưng cũng không chỉ dẫn nguồn ở mục tài liệu tham khảo. Vì thế, ở đây chúng tôi chỉ nêu ra để người đọc theo dõi và khi có điều kiện thì nhất định phải được kiểm chứng lại mới đảm bảo phản ánh đúng thực tế khách quan.

¹⁰ GS. Hoàng Tuệ là một nhà ngôn ngữ học hàng đầu Việt Nam và là nguyên Viện trưởng Viện Ngôn ngữ học. Vì thế, những kết luận mà ông phát biểu có giá trị như một định hướng kỹ thuật xây dựng chữ viết cho ngôn ngữ DTTS đã được không ít các nhà ngôn ngữ học ở Việt Nam thực hiện trong thời gian trước đây.

¹¹ Trong mục Tài liệu tham khảo của bài viết, tác giả chưa dẫn ra bất cứ một tài liệu nào của Ủy ban Dân tộc để minh chứng cho kết quả điều tra này. Vì thế, người làm chính sách cũng như người làm khoa học nếu như muốn kiểm chứng chất lượng khoa học của kết quả điều tra cũng khó có thể thực hiện.

Tài liệu tham khảo

- [1] Lương Bền (1993), “Tình hình phát triển chữ Tày Nùng”, *Những vấn đề chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2] Lý Seo Chúng (Chủ biên) (2007), “Sách giáo khoa tiếng H'mông”, *Tài liệu nội bộ Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai*.
- [3] Trần Trí Dồi (2011), *Những vấn đề chính sách ngôn ngữ và giáo dục ngôn ngữ vùng dân tộc thiểu số Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [4] Trần Trí Dồi (2013), *Vấn đề xóa mù chữ vùng dân tộc thiểu số: suy nghĩ về trường hợp bản người Mông Pú Tiú huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên*, Kỷ yếu Tọa đàm Khoa học Quốc tế “Tôn giáo và Văn hóa: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, Trung tâm Nghiên cứu tôn giáo đương đại, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, 2014.
- [5] Trần Trí Dồi (2014), *Nghiên cứu tình hình mù chữ và tái mù chữ vùng dân tộc thiểu số: trường hợp tỉnh Điện Biên*, Đề tài “Nhóm A Đại học Quốc gia Hà Nội”, QG.12.09 (2012-2014).
- [6] Trần Trí Dồi (2016), *Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (Language of ethnic minorities in Vietnam)*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [7] Trần Trí Dồi (2019), “Vấn đề xây dựng chữ viết cho ngôn ngữ dân tộc thiểu số”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 3 (358).
- [8] Nguyễn Trung Kiên (2020), “Tình hình sử dụng chữ Mông trong cộng đồng Mông ở khu vực Tây Bắc Việt Nam (Nghiên cứu trường hợp tại hai tỉnh Sơn La và Lai Châu)”, *Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư*, số 5.
- [9] Hoàng Văn Ma (1993), “Vấn đề tiếng và chữ Tày Nùng”, *Những vấn đề chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [10] Mạc Phi (1996), “Tiếng nói chữ viết dân tộc trong việc xây dựng con người và giữ gìn phát huy bản sắc dân tộc”, *Văn hóa và sự phát triển các dân tộc ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [11] Thào Seo Sinh, Phan Thanh (2003), *Sách học tiếng Mông*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [12] Nguyễn Kiến Thọ (2016), “Vấn đề lựa chọn chữ Mông trong đào tạo, bồi dưỡng tiếng Mông hiện nay (nhìn từ thực tiễn hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên)”, *Tạp chí Khoa học Đại học Tân Trào*, số 3.
- [13] Hoàng Tuệ và các cộng sự (1984), *Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam và chính sách ngôn ngữ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [14] http://socrates.berkeley.edu/~dmort/mong_leng_phonology, truy cập ngày 21/7/2020.
- [15] https://en.wikipedia.org/wiki/Romanized_Popular_Alphabet, truy cập ngày 5/7/2020.